

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HS – ST
Ngày: 29 – 12 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Xuân Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Oanh - Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn A, sinh năm 1995, tại tỉnh ThA H; nơi cư trú: Bon C, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn H (học vấn): 02/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T (chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; Tiền án: 01 tiền án. Ngày 03/02/2021, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 11/2021/HSST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/12/2021, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2022, đang bị tạm giam – Có mặt.

- Bị hại:

1. Y, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 5, xã D, huyện C, tỉnh Đắc Nông.
2. Nguyễn Duy L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắc Nông.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn A sau khi chấp hành án hình phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 03/12/2021 và trở về địa phương sinh sống. Để có tiền tiêu xài cá nhân, Bùi Văn A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 01/7/2022, A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, không gắn biển số đi từ nhà đến khu vực xã E và xã D để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến rẫy của A Y tại thôn 5, xã D, huyện C, A thấy bên phải đường là rẫy cà phê được rào xung qua bằng lưới B40. A dừng xe và để ý không có người trông coi nên nảy sinh ý định cắt trộm lưới B40. A dừng xe cách vị trí lưới khoảng 30m rồi lấy từ trong cốp xe 01 chiếc kìm bấm. A đến khu vực hàng rào lưới B40, dùng kìm cắt lưới B40 theo hướng từ trên xuống dưới, sau đó dùng mũi kìm uốn các đỉnh cố định đóng vào trụ rào gỗ để gỡ lưới rào B40 ra khỏi trụ, cắt trộm 20m20 đoạn lưới rào B40 rồi bỏ lên yên xe mô tô, điều khiển về hướng ngã 3 chợ D để tiêu thụ. Trên đường đi, A bị tổ tuần tra Công an xã D phát hiện và lập hồ sơ vụ việc, chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C để xử lý theo thẩm quyền.

Vụ thứ hai: Ngày 12/9/2022, Bùi Văn A điều khiển xe mô tô BKS 52P4-7305 đi từ nhà đến khu vực xã Đ, huyện C để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà A Nguyễn Duy L tại thôn 8, xã Đ, huyện C nhận thấy nhà không có người trông coi nên A dừng xe rồi đi vòng phía sau nhà để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến cửa sau ngôi nhà, A thấy một cánh cửa gỗ cài then, không có ổ KH. A bước vào bên trong nhà, tiếp tục thấy một cánh cửa gỗ 01 cánh, được chặn lại bằng 01 cục gạch màu cam loại 04 lỗ ở dưới chân cánh cửa. A đẩy cục gạch chặn cửa rồi vào nhà. Trong nhà có khoảng 40 bao phân bón nhãn hiệu NPK Hàn Việt, vỏ bao màu trắng, được xếp gọn bên phải căn phòng. A lần lượt vác 03 bao phân bón ra khỏi nhà, đặt ở vị trí gốc cây cà phê gần đường bê tông liên thôn. Sau đó quay lại đóng cửa về hiện trạng ban đầu. Tiếp đó A bỏ 02 bao phân vào 02 bao xác rắn màu đỏ (đã chuẩn bị từ trước) đặt lại vị trí gốc cây cà phê để che dấu rồi vác 01 bao phân bón chở lên xe mô tô mang đi tiêu thụ. A bán bao phân bón trên cho bà Nguyễn Thị H (trú tại thôn 7, xã E, huyện C) với số tiền 400.000 đồng và dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, A quay lại vị trí cất giấu 02 bao phân bón còn lại để chở về tiêu thụ thì bị Công an huyện C và công an xã Đ phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KLHĐĐG ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 (một) cuộn lưới B40 có kích thước 20m20 x 1m20, nặng 38 kg, đã qua sử dụng. Tại thời điểm chiếm đoạt có giá là 700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KLHĐĐG ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 03 bao phân bón, nhãn hiệu NPK Hàn – Việt 19-4-6+0,2B, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá là 2.106.000 đồng.

Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 23-10-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp để xét xử Bùi Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn A từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

01 kim bấm ốp tay cầm bằng cao su màu đen, đồ là dụng cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy; Số tiền 400.000 đồng do phạm tội mà có, buộc bị cáo Bùi Văn A phải nộp sung công quỹ Nhà nước

Đối với 03 bao phân bón NPK Hàn – Việt: 19-4-6+0,2B, trọng lượng 50 kg/bao là tài sản hợp pháp của A Nguyễn Duy L. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho A Nguyễn Duy L tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với cuộn lưới B40, kích thước 20m20 x 1m20 là tài sản hợp pháp của A Y. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho A Y tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI không gắn BKS là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị H1 (mẹ của bị cáo A). Bà H1 không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho bà H1 tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI BKS 52P4-7305 là tài sản của bà Phạm Thị H (trú tại thôn 4, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'Lấp). Bà H cho bị cáo mượn sử dụng nhưng không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho bà H tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: A Y và A Nguyễn Duy L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý. Chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì đối với số tiền 400.000 đồng mua bao phân bón trộm cắp, nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Bị cáo Bùi Văn A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 01/7/2022, bị cáo Bùi Văn A cắt trộm đoạn lưới rào B40 có kích thước 20m20 x 1m20, nặng 38 kg của A Y thuộc thôn 5, xã D, huyện C.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 12/9/2022, bị cáo Bùi Văn A thực hiện hành vi trộm cắp 03 bao phân bón NPK Hàn – Việt: 19-4-6+0,2B, trọng lượng 50 kg/bao của A Nguyễn Duy L tại thôn 8, xã Đ, huyện C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KLHĐĐG ngày 24/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đắk R'Lấp kết luận: 01 (một) cuộn lưới B40 có kích thước 20m20 x 1m20, nặng 38 kg, đã qua sử dụng. Tại thời điểm chiếm đoạt có giá là 700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KLHĐĐG ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 03 bao phân bón, nhãn hiệu NPK Hàn – Việt 19-4-6+0,2B, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá là 2.106.000 đồng.

Do vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn A đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ

luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c)

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[4]. *Về tình tiết định khung hình phạt:* Do bị cáo Bùi Văn A đã bị kết án và chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc tình tiết tăng nặng là “*tái phạm*”; Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” thuộc các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h, g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thiệt hại gây ra không lớn (2.806.000đồng); hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số(Mường); bị hại (Y) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h khoản 1 khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. *Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:*

Đối với 01 kim bấm ốp tay cầm bằng cao su màu đen, đỏ là dụng cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 400.000 đồng do phạm tội mà có, buộc bị cáo Bùi Văn A phải nộp sung công quỹ Nhà nước

Đối với 03 bao phân bón NPK Hàn – Việt: 19-4-6+0,2B, trọng lượng 50 kg/bao là tài sản hợp pháp của A Nguyễn Duy L. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho A Nguyễn Duy L tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với cuộn lưới B40, kích thước 20m20 x 1m20 là tài sản hợp pháp của A Y. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho A Y tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI không gắn BKS là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị H1 (mẹ của bị cáo A). Bà H không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho bà H tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI BKS 52P4-7305 là tài sản của bà Phạm Thị H (trú tại thôn 4, xã Đ, huyện C). Bà H cho bị cáo mượn sử dụng nhưng không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cho bà H tài sản trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự*: A Y và A Nguyễn Duy L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý. Chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì đối với số tiền 400.000 đồng mua bao phân bón trộm cắp, nên không đề cập xử lý.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận. Về hình phạt có phần chưa nghiêm khắc không chấp nhận.

Đối với hành vi bà Nguyễn Thị H thu mua 01 bao phân bón là tài sản bị cáo đã trộm cắp xét thấy bà H không biết bao phân trên là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo bị cáo Bùi Văn A 01(Một) năm 06(Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13-9-2022.

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc Bùi Văn A phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng do phạm tội mà có.

Tịch thu, tiêu hủy 01 kim bấm ốp tay cầm bằng cao su màu đen, đỏ.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại 03 bao phân bón NPK Hàn – Việt: 19-4-6+0,2B, trọng lượng 50 kg/bao là tài sản hợp pháp cho A Nguyễn Duy L.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại cuộn lưới B40, kích thước 20m20 x 1m20 là tài sản hợp pháp của A Y.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI không gắn BKS là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị H1.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý trả lại xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI BKS 52P4-7305 là tài sản của bà Phạm Thị H.

(Có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CA huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh